TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08 – 10 - 2018
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phạm Văn Mười
Ông Nguyễn Hoàng Dân
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Út - là thư ký Tòa án

Ngày 08 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 844/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018, về việc tranh chấp về không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 661/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Ông Minh C (có mặt)
Địa chỉ: Số 2, đường T, khóm 8, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn H (có mặt)
Địa chỉ: Số 06, đường V, khóm 4, phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn là bà Ông Minh C trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân, bà và ông H chung sống với nhau vào năm 1992, vì bận nhiều công việc nên không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, không hợp nhau, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ông bà đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2013 đến nay, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung, ông bà có 01 con chung tên là Bùi Thanh L, sinh năm 1994, hiện nay con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nợ chung: Bà xác định không nợ ai và không ai nợ lại ông bà.

Tại bản tự khai và lời trình bày của bị đơn là ông Bùi Văn H trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Về hôn nhân, ông và bà C chung sống với nhau vào năm 1992, đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2013 đến nay, nay bà C yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung, ông bà có 01 con chung tên là Bùi Thanh L, sinh năm 1994, hiện nay con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông xác định không có.

Về nợ chung: Ông xác định không nợ ai và không ai nợ lại ông bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Ông Minh C và ông Bùi Văn H thỏa thuận với nhau về việc yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình của ông bà nên Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là không công nhận quan hệ vợ chồng.

[3] Về hôn nhân, mặc dù bà C và ông H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên là Bùi Thanh L, sinh năm 1994, hiện nay con đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: ông bà đều xác định không có.

[6] Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Không công nhận bà Ông Minh C và ông Bùi Văn H là vợ chồng.

2/ Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên là Bùi Thanh L, sinh năm 1994, hiện nay con đã trưởng thành nên không đề cập xem xét.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, bà C phải chịu. Bà C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0001407 vào ngày 25/9/2018, được đối trừ, bà C đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà C và ông H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Thị Kim Oanh